

PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

(*Bạch Đằng giang phú*)

(2 tiết)

TRƯƠNG HÁN SIÊU

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được nội dung chủ yếu của bài phú : hoài niệm và suy ngẫm của tác giả về chiến công lịch sử trên sông Bạch Đằng.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài phú.
- Làm quen và rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu một tác phẩm văn học được viết theo thể phú.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Bám sát trọng tâm của bài học đã được nêu trong SGK, làm nổi bật niềm hoài niệm đầy tự hào về chiến công của người xưa và tình yêu quê hương, đất nước của tác giả. Giúp HS thấy được chủ đề bài phú : sự khẳng định yếu tố quyết định làm cho sông Bạch Đằng được "lưu danh thiên cổ" là yếu tố con người ; thấy được hiệu quả truyền cảm của nghệ thuật sử dụng hình ảnh, điển tích có chọn lọc trong bài phú cổ thể. Đặc biệt, nhấn mạnh thêm :

a) *Tác giả Trương Hán Siêu*

SGK đã cung cấp những thông tin khái quát về tác giả. Cần lưu ý một số ý sau :

– Trương Hán Siêu tính tình cương trực, có học vấn uyên thâm, sinh thời được các vua Trần tin cậy, nhân dân kính trọng. Ông từng giữ chức Hàn lâm học sĩ, làm môn khách của Trần Hưng Đạo.

– Tác phẩm của Trương Hán Siêu hiện còn bốn bài thơ và ba bài văn, trong đó có bài *Phú sông Bạch Đằng* – một tác phẩm đặc sắc của văn học trung đại Việt Nam.

b) *Bối cảnh ra đời và cảm hứng sáng tác bài phú*

Phú sông Bạch Đằng được viết từ cảm hứng hào hùng và bi tráng khi tác giả là trọng thần của nhà Trần lúc vương triều đang có biểu hiện suy thoái (sau khi Trương Hán Siêu mất bốn năm, đến năm 1358 thì nhà Trần mới bắt đầu suy vi). Cho nên khi có dịp du ngoạn Bạch Đằng – một nhánh sông Kinh Thầy đổ ra biển nằm giữa Quảng Ninh và Hải Phòng – di tích lịch sử lừng danh, nơi quân ta đã hai lần chiến thắng quân xâm lược phương Bắc, Trương Hán Siêu đã vừa tự hào, vừa hoài niệm, nhớ tiếc anh hùng xưa.

c) *Thể phú*

Trên cơ sở nội dung phần *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK, GV hướng dẫn HS nắm vững khái niệm, sự phân loại trong thể phú ; đồng thời nhấn mạnh :

– Bài *Phú sông Bạch Đằng* thuộc loại phú cổ thể, với các đặc trưng chủ yếu là mượn hình thức "chủ – khách đối đáp" để bày tỏ, diễn đạt nội dung ; kết thúc bằng một bài thơ. Kết cấu bài phú thường có ba phần : mở đầu (thông qua việc giới thiệu nhân vật, nêu lí do sáng tác), nội dung (đối đáp), kết thúc (lời từ biệt của khách).

– Loại *phú cổ thể* (có trước thời Đường, được làm theo lối biên văn hoặc lối văn xuôi có vần) khác với *phú Đường luật* (xuất hiện từ thời Đường, có vần, có đối, có luật bằng trắc chặt chẽ).

2. Về phương pháp

a) Phú là một thể loại văn học mà HS mới được tiếp cận lần đầu tiên trong chương trình *Ngữ văn*, cho nên cần được giới thiệu một cách ngắn gọn, cụ thể về thể loại trước khi tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Trong bài có nhiều điển tích, từ cổ nên HS cần nắm vững các chú thích.

b) GV dành thời gian thích hợp để hướng dẫn HS đọc văn bản theo đặc trưng thể loại. Chú ý cách bắt vần thể hiện hình thức câu văn vấn đáp mang tính chất trữ tình, sự tiếp nối mạch ý uyển chuyển, cách ngắt nhịp,... của bài phú cổ thể.

c) Hướng dẫn HS khai thác giá trị của tác phẩm, cần chú ý tính lô gích của hệ thống cấu tứ bài phú theo lối kể chuyện khách quan : người viết xây dựng nhân vật "khách" để đứng ra kể về những điều mình quan sát, suy nghĩ khi ngược bến Đông Triều đến sông Bạch Đằng, được nghe các "bô lão" địa phương kể chuyện chiến công thuở trước, hết lời kể thì "bô lão" cất lời ca và "khách" cũng ca nối tiếp có tính chất liên ngâm.

3. Về kiểm tra, đánh giá

a) Đánh giá khả năng đọc đúng ngữ điệu, giọng văn theo đặc trưng thể loại (chủ yếu ở cách ngắt nhịp, bắt vần và diễn cảm ngữ điệu trang trọng của bài phú).

b) Đánh giá khả năng hiểu những giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm trong việc thể hiện niềm tự hào về chiến công của người xưa trên sông Bạch Đằng và tình yêu quê hương đất nước của tác giả (hình thức "chủ – khách đối đáp", hiệu quả của cách sử dụng hình ảnh, điển tích có chọn lọc,...).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

Có thể tham khảo chú thích về tiêu đề *Phú sông Bạch Đằng* (trong SGK), hoặc chọn hai đoạn đầu nói về thể loại ở phần *Tri thức đọc - hiểu* (trong SGK) làm mở bài.

2. Phân tổ chức dạy học

– Giới thiệu tác giả, tác phẩm (xem phần II).

– Tìm hiểu giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Câu hỏi 1

Cách đọc

GV nêu yêu cầu về cách đọc bài phú theo đặc trưng thể loại (xem mục b trong phần II. 2), hướng dẫn HS đọc toàn bộ bài học và kiểm tra khả năng nắm nghĩa từ trong các chú thích ở SGK.

Nhân vật "khách"

GV hướng dẫn HS đọc đoạn 1, đọc chú thích về từ "khách" ("cái tôi" của tác giả) và nhận xét đặc điểm của nhân vật "khách" (qua các hình ảnh liệt kê về không gian rộng lớn, thời gian liên hoàn và ngữ điệu trang trọng qua các từ "chừ", nhấn mạnh cách ngắt nhịp trong các câu từ "Giương buồm giông gió chơi vui" đến "... Tam Ngô, Bách Việt"). Nhân vật "khách" được giới thiệu với những đặc điểm nổi bật về tính cách của một người có tâm hồn phóng khoáng, tự do : "Nơi có người đi... Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết". Đồng thời, đó cũng là một người ham du ngoạn để tìm hiểu lịch sử của dân tộc.

Yêu cầu HS đọc chú thích về "Tử Trường" trong SGK và nhấn mạnh : đến sông Bạch Đằng, tác giả muốn học thú tiêu dao của Tử Trường là để học sự nghiên cứu về lịch sử dân tộc.

Để tìm hiểu những điều "khách" đặc biệt chú ý, GV hướng dẫn HS đọc tiếp phần còn lại của đoạn 1 và yêu cầu so sánh cách miêu tả ở phần trước với phần vừa đọc :

– Cách miêu tả của tác giả ở phần trước thiên về khái quát, ước lệ. Trong phần vừa đọc, tác giả đưa người đọc về cảnh thực – đó cũng là những điều "khách" đặc biệt chú ý trước cảnh sông nước Bạch Đằng (*cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng, bát ngát sóng kình*).

– Cảnh thực đó được thể hiện qua cái nhìn mang tính hồi tưởng mỗi lúc một cụ thể ("Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu - Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô").

GV nêu vấn đề cho HS tự nhận xét : sự chuyển đổi cấu trúc mạch văn có ý nghĩa như thế nào đối với việc lí giải diễn biến tâm trạng của "khách" ("... đứng lặng giờ lâu - Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá - Tiếc thay dấu vết luống còn lưu"). Trước cảnh sông nước Bạch Đằng, một tính cách và tâm hồn phóng khoáng, mạnh mẽ cũng trở nên sững sờ tiếc nhớ, bồi bồi hoài niệm về một quá khứ oanh liệt.

GV gợi ý để HS nhận xét : Nhân vật "khách" tuy có tính chất công thức ở thể phú nhưng đã được Trương Hán Siêu thổi hồn vào, trở thành một con người sinh động. Nhân vật "khách" ở đây chính là "cái tôi" của tác giả. Đó là "cái tôi" của một kẻ sĩ nặng lòng ưu hoài trước thiên nhiên, chiến tích.

Câu hỏi 2

GV yêu cầu HS đọc đoạn 2 và định hướng : Nếu như ở đoạn 1, nhân vật "khách" chính là "cái tôi" của tác giả thì ở đoạn 2, nhân vật các "bô lão" là hình ảnh tập thể, xuất hiện như một sự hô ứng. Tác giả tạo ra nhân vật này – hình ảnh có tính lịch đại – nhằm tạo không khí đối đáp tự nhiên, kể cho "khách" nghe về những trận thủy chiến ở đây.

– Dựa vào đặc điểm của lời thuật kể, HS tìm hiểu những kỉ niệm đầy tự hào về chiến thắng vĩ đại trên sông Bạch Đằng của tướng sĩ nhà Trần : lời lẽ trang trọng, những kì tích trên sông được gợi lên qua cách liệt kê sự kiện trùng điệp ("Đây là chiến địa... phá Hoàng Thao"), các hình ảnh đối nhau miêu tả không khí bùng bùng chiến trận ("Thuyền bè muôn đội... giáo gươm sáng chói"), miêu tả thế giằng co quyết liệt ("Ánh nhật nguyệt... chừ sắp đổi").

(GV có thể hướng dẫn HS bình luận về thể trận được tái hiện qua lời kể của nhân vật các "bô lão" : Đây là thể trận nói chung – bao gồm cả thời Ngô Quyền lần thời Trần Hưng Đạo – có thể thấy nổi bật tính chất "thư hùng" hết sức căng thẳng, vận nước lâm nguy "ngàn cân" treo sợi tóc).

HS đọc các chú thích để thấy được : việc chọn lọc những hình ảnh, điển tích đã diễn tả nổi bật sự thất bại thảm hại của quân giặc ("Trận Xích Bích, quân Tào Tháo tan tác tro bay - Trận Hợp Phì, giặc Bồ Kiên hoàn toàn chết trụi"). Đó cũng là thủ pháp so sánh, đặt những trận thủy chiến Bạch Đằng ngang tầm những trận oanh liệt nhất trong lịch sử Trung Quốc. Những hình ảnh, điển tích được sử dụng có chọn lọc góp phần thể hiện một cách trang trọng về tài trí của vua tôi nhà Trần ("Hội nào bằng hội Mạnh Tân : như vương sư họ Lã - Trận nào bằng trận Duy Thuỷ : như quốc sĩ họ Hàn").

GV chuyển ý : Những hình ảnh, điển tích được sử dụng có chọn lọc tạo được sức mạnh diễn tả hình ảnh chiến thắng Bạch Đằng đậm chất anh hùng ca. Chúng ta chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng bởi "Trời đất cho nơi hiểm trở" ; cũng nhờ "Nhân tài giữ cuộc điện an", nhờ "đại vương coi thế giặc nhàn". Kết thúc đoạn 2, tác giả viết :

*Đến bên sông chừ hổ mặt,
Nhớ người xưa chừ lệ chan.*

Căn cứ vào đặc trưng thể loại, tổ chức cho HS thảo luận : Đây vẫn là lời các "bô lão" nói với "khách". Nhưng trước cảnh sông nước Bạch Đằng, với tính cách và tâm hồn phóng khoáng, "khách" vừa cảm phục vừa trở nên sững sờ nhớ tiếc. Tính cách và tâm hồn ấy gặp gỡ niềm hoài cảm của các "bô lão" chùng như "sở cầu" (điều mong muốn) của chính nhân vật "khách".

Câu hỏi 3

Niềm tự hào về non sông hùng vĩ gắn với chiến công lịch sử và quan niệm của tác giả về nhân tố quyết định trong công cuộc đánh giặc giữ nước.

GV yêu cầu HS đọc đoạn 3 và thảo luận để nêu được hai ý :

– Lời ca của các "bô lão" khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của dòng sông và những chiến công hiển hách ở đây, đồng thời cũng khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của chân lí lịch sử : *bất nghĩa thì tiêu vong, anh hùng thì lưu danh thiên cổ*.

– Lời ca của "khách" (theo lối liên ngâm) cũng tiếp nối niềm tự hào về non sông hùng vĩ, nhưng thể hiện quan niệm về nhân tố quyết định trong công cuộc

đánh giặc giữ nước không chỉ ở địa thế hiểm yếu mà là vai trò quan trọng đặc biệt, hơn hẳn của con người (yếu tố quyết định là con người) – trước hết là "Anh minh hai vị thánh quân". Đó là một quan niệm tiến bộ, có ý nghĩa nhân văn của tác giả.

Câu hỏi 4

GV hướng dẫn HS thảo luận :

Chất hoành tráng của bài phú (cảm hứng lịch sử, hình tượng "dòng sông", quang cảnh chiến trận, điển cố được sử dụng, hình tượng tác giả,...).

– Cảm hứng lịch sử ở đây là âm vang chiến thắng oanh liệt, những chứng tích gắn liền với dòng sông.

– Hình tượng dòng sông Bạch Đằng lịch sử được tái hiện theo hai bối cảnh khác nhau : một thời gian và không gian được miêu tả trực tiếp đồng hiện với một thời gian và không gian được miêu tả qua trí tưởng tượng, dấu nối giữa hai bối cảnh – đó là tinh thần ngoan cường, bất khuất của dân tộc ta trong việc bảo vệ nền độc lập.

– Quang cảnh chiến trận Bạch Đằng một thuở, bây giờ là trời nước mênh mông, ngàn lau san sát.

– Điển cố được sử dụng có chọn lọc, giàu sức gợi, tạo ra một hình dung rộng lớn và âm hưởng hào hùng từ những chiến thắng trên sông Bạch Đằng lịch sử.

– Hình tượng tác giả thể hiện qua bài phú là một nghệ sĩ có tâm hồn phóng khoáng, tự do, dạt dào cảm hứng lịch sử, hoài niệm và tự hào về truyền thống oai hùng của dân tộc.

3. Phần củng cố

– Nét đặc sắc của bài *Phú sông Bạch Đằng* phải kể đến cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

Về nội dung, cần khắc hoạ hào khí thời Trần (khung cảnh đương đại của bài phú) và âm hưởng của chiến thắng hào hùng trên sông Bạch Đằng, v.v.

Về nghệ thuật, cần trình bày những yếu tố nổi bật gắn với đặc trưng của thể phú như việc đặt ra nhân vật "chủ – khách đối đáp", cách dùng hình ảnh và điển tích chọn lọc, sự kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố trữ tình hoài cổ với yếu tố tự sự tráng ca, kết cấu chặt chẽ, thủ pháp liên ngâm, lối diễn đạt khoa trương.

– Để khẳng định *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu là một trong những bài phú hay trong văn học Việt Nam thời trung đại, GV cung cấp cho HS bài *Hậu Bạch Đằng giang phú* của Nguyễn Mộng Tuân và một số bài phú khác để HS có điều kiện so sánh.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Để thực hiện được bài tập này, GV hướng dẫn HS căn cứ vào cảm hứng của tác giả trước sông Bạch Đằng và kết quả tìm hiểu đoạn 3 của bài phú. Tác giả phân tích triết lí về chiến công lịch sử thông qua việc khẳng định ý nghĩa vĩnh hằng của các anh hùng thời Trần, đồng thời nhấn mạnh yếu tố "đức cao" của dân tộc, qua đó khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, khẳng định giữa hai nhân tố thế đất và lòng người thì lòng người là đặc biệt quan trọng, có vai trò quyết định.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 2006.
- Nhiều tác giả, *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2006.